TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST
Ngày 31-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Trần Ái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1997, tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp LC, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Ngọc T1; vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị tạm giữ ngày 05-02-2020, tạm giam ngày 14-02-2020 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Kim P, sinh năm 1994, tại huyện TT, tỉnh Cà Mau. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp TL, xã PL, huyện TT, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn TH và bà Lê Thị U; có chồng Nguyễn Văn H (không đăng ký kết hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị tạm giữ ngày 05-02-2020, tạm giam ngày 14-02-2020 đến nay; có mặt.

3. Phan Thành Đ1, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1997, tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp ML, xã MTT, huyện ĐH,

tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N1 và bà Nguyễn Thị G1; có vợ Nguyễn Thị Phượng H1 và 01 con;

Tiền án: Tại Bản án số 07/2018/HS-ST ngày 23-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm b, h và q khoản 1 Điều 46 và Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Phan Thành Đ1 số tiền 10.000.000 đồng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tiền sự: Không có;

Bị tạm giữ ngày 07-02-2020, tạm giam ngày 14-02-2020 đến nay; có mặt.

4. Lê Hoài N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 1999, tại huyện ĐH, tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp AT, xã ANĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Tuyết H3; có vợ Trần Thủy T3 và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Tại Bản án số 32/2016/HSST ngày 28-4-2016, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), xử phạt Lê Hoài N 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đã được xóa án;

Bị tạm giữ ngày 25-12-2019, tạm giam ngày 03-01-2020 đến nay; có mặt.

5. Trần Văn V, sinh năm 2001, tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp PT, xã PC, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị S; vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị tạm giữ ngày 20-02-2020, tạm giam ngày 26-02-2020 đến nay; có mặt.

6. Trang Văn V2, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1998, tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp LH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Văn T4 và bà Nguyễn Thị N3 (đã chết); vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị tạm giữ ngày 05-02-2020, tạm giam ngày 14-02-2020 đến nay; có mặt.

7. Võ Hoàng G, sinh năm 1992, tại huyện ĐH, tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp AĐ, xã ANĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn K và bà Võ Thị Q; có vợ Nguyễn Thị Thúy K2 (đã ly hôn) và 01 con.

Nhân thân: Tại Bản án số 22/2020/HS-ST ngày 28-02-2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt Võ Hoàng G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thạnh Hòa thuộc tỉnh Long An; có mặt.

8. Phan Văn T, sinh năm 1983, tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp V, xã MTT, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C1 và bà Trần Thị D; có vợ Nguyễn Trúc L và 03 con.

Nhân thân: Tại Bản án số 08/2020/HS-ST, ngày 24-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 các điểm h, o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Văn T 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền án: Tại Bản án số 104/2017/HS-ST ngày 14-6-2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Phan Văn T 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tiền sự: Không có.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Cây Cầy thuộc tỉnh Tây Ninh; có mặt.

9. Trịnh Bảo X, sinh năm 2000, tại huyện ĐH, tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp AN, xã ANT, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn C2 và bà Trương Thị Kim C3; vợ và con: Chưa có; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 11-12-2019 của Công an xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Trịnh Bảo X số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (đã nộp phạt); tiền án: Không có; tiền sự: không có.

Bị tạm giữ ngày 05-02-2020, tạm giam ngày 14-02-2020 đến nay; có mặt.

10. Bùi Văn V1, sinh năm 1998, tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp LC, xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn M và bà Dương Ngọc D3; vợ và con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị tạm giữ ngày 05-02-2020, tạm giam ngày 14-02-2020 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Lê Thị P1, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố LD, thị trấn TB, huyện TB (nay là khu phố LD, phường TB, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Trần Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp AP, xã AH, huyện TB (nay là khu phố AP, phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Lương Công B, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp SS, xã AT, huyện TB (nay là khu phố SS, phường AT, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Biện Hùng N3, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp AP, xã AH, huyện TB, (nay là khu phố AP, phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Nguyễn Văn S1, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp 1, xã AB, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

6. Thạch Xà M2, sinh ngày 01-01-2002; địa chỉ: Ấp SB, xã TP, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

7. Huỳnh Văn K3, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp AP, xã AH, huyện TB (nay là khu phố AP, phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

8. Phạm Trung H2, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp PT, xã TPĐ, thị xã SĐ, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

9. Nguyễn Văn T9, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp LS, xã VĐ, huyện TH, tỉnh Long An; có mặt.

10. Trần Văn G2, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp HL, xã AH, huyện TB (nay là khu phố HL, phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

11. H Ruên Bkr, sinh năm 1998; địa chỉ: Buôn Cuôr T, xã YT, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

12. Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, xã TB, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Ấp M, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An; vắng mặt.

13. Nguyễn Hồng S, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp MCT, xã PH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Ấp AB, xã AT, huyện TB (nay là khu phố AB, phường AT, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

14. Nguyễn Phi L, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã GB, huyện TB (nay là khu phố C, phường GB, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

15. Ngô Văn T5, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp HH, xã AH, huyện TB (nay là khu phố HH, phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Nguyễn Văn Đ rủ Nguyễn Kim P, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 cùng trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền thì tất cả đồng ý. Đ phân công cho P, N, Trần Văn V, V2, G, X và Bùi Văn V1 có nhiệm vụ đứng bên ngoài cảnh giới, còn Đ đem theo đoản, kìm trực tiếp vào nhà lấy trộm tài sản. Từ ngày 29-5-2019 đến ngày 15-01-2020, Đ, P, N, Trần Văn V, V2, G, X và Bùi Văn V1 đã thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 01 vụ trên địa bàn huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 29-5-2019, Đ điều khiển xe môtô loại Wave 110, màu bạc (không rõ biển số) chở N đến khu vực cổng Đình AH thuộc

khu phố AQ, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Wave alpha màu xanh đen bạc, biển số 70L1-140.23 của bà Trần Thị H dựng trước tiệm tạp hóa Minh Thi không có người trông giữ. N đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của bà đưa cho N đem sang Campuchia bán được số tiền 6.000.000 đồng, chia nhau mỗi người số tiền 3.000.000 đồng.

2. Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 27-7-2019, Đ điều khiển xe môtô loại Dream, màu tím (không rõ biển số) chở V2 đến khu vực khu phố AP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Vision, màu đỏ, biển số 70L1-486.94 của anh Biện Hùng N3, dựng trước tiệm tạp hóa của bà Dương Thị Q, không có người trông giữ, trên xe có sẵn chìa khóa. V2 đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi đến lấy trộm xe môtô của anh N3 đem đến khu vực cầu Đường Xuồng thuộc xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 8.500.000 đồng, Đ chia cho V2 số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ cất giữ.

3. Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ ngày 03-8-2019, Đ điều khiển xe môtô loại Wave 110, màu bạc (không rõ biển số) chở P đến khu phố AB, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 66H1-144.15 của anh Nguyễn Văn S1 dựng phía trước nhà trọ Trương Văn F không có người trông coi. P đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi vào bên trong dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của anh S1 đem đến khu vực cầu Đường Xuồng bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 3.000.000 đồng, Đ cất giữ cùng P tiêu xài và mua chất ma túy sử dụng chung.

4. Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ ngày 07-8-2019, X điều khiển xe môtô loại Wave, màu xanh (không rõ biển số) chở Đ đến khu vực khu phố AB, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 83P1-745.30 của anh Thạch Xà M2 dựng trước cửa hàng gas Nguyễn Z không có người trông giữ. X đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của anh M2 đem đến khu vực xã Lộc G, huyện ĐH, tỉnh Long An bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 3.000.000 đồng, Đ cất giữ và mua chất ma túy cho X và P sử dụng chung.

5. Vụ thứ năm: Khoảng 18 giờ ngày 14-10-2019, Trần Văn V điều khiển xe môtô loại Wave Trung Quốc, màu xanh (không rõ biển số) chở Đ đến khu tái định cư thuộc khu phố AQ, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Wave RSX, màu xanh đen bạc, biển số 66H9-3700 của anh Phạm Trung H2 dựng trước nhà ông Lê Văn O không có người trông giữ. Vỹ đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của anh H2 đem sang Campuchia bán được số tiền 5.000.000 đồng, Đ cất giữ để cùng V và P tiêu xài và mua chất ma túy sử dụng chung.

6. Vụ thứ sáu: Khoảng 21 giờ ngày 15-10-2019, Trần Văn V điều khiển xe môtô loại Wave Trung Quốc, màu xanh (không rõ biển số) chở Đ đến khu vực quán ăn "Tư Lạnh" thuộc khu phố AQ, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Wave alpha, màu xanh, biển số 70H9-3263 của ông Nguyễn Văn T9 dựng trước nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông giữ. V

đứng bên ngoài cảnh giới, Đ dùng kìm cắt hàng rào lưới B40 rồi đi vào bên trong lấy trộm xe môtô của ông T9 đem đến khu vực xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 3.500.000 đồng, Đ cất giữ để cùng Vỹ và P tiêu xài chung.

7. Vụ thứ bảy: Khoảng 13 giờ ngày 19-11-2019, Bùi Văn V1 điều khiển xe môtô loại Wave ZX, màu đỏ đen (không rõ biển số) chở Đ đến khu vực khu phố AQ, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 70M3-1747 của anh Trần Văn G2 dựng cặp lề đường, phía trước nhà bà Lê Ngọc C7, không có người trông giữ. V1 đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của anh G2 đem sang Campuchia bán được số tiền 3.000.000 đồng, Đ chia cho V1 số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ cất giữ để cùng P tiêu xài chung.

8. Vụ thứ tám: Khoảng 18 giờ ngày 16-12-2019, G điều khiển xe môtô loại Wave Trung Quốc, màu xanh (không rõ biển số) chở Đ đến khu vực nhà trọ Yến Nhi thuộc khu phố Hòa Hội, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Blade, màu trắng đen, biển số 47N1-108.42 của chị H Ruên Bkr dựng trước phòng số 12, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông giữ. G đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi vào bên trong lấy trộm xe môtô của chị H Ruên Bkr đem đến khu vực cầu Đường Xuồng bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 7.500.000 đồng, Đ chia cho G số tiền 3.750.000 đồng, số tiền còn lại Đ cất giữ để cùng P tiêu xài chung.

9. Vụ thứ chín: Khoảng 18 giờ ngày 17-12-2019, Đ điều khiển xe môtô loại Wave 110, màu bạc (không rõ biển số) chở G đến khu vực chung cư Cát Tường - Phú Sinh thuộc ấp M, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An thì phát hiện xe môtô loại Exciter 150, màu xanh bạc, biển số 66K1-197.09 của anh Nguyễn Thanh T4 dựng trước phòng trọ, không có người trông giữ. G đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi vào bên trong lấy trộm xe môtô của anh T4 và cùng G đem đi cất giấu thì bị Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát hiện bắt giữ G, riêng Đ chạy thoát. Ngày 28-02-2020, G bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

10. Vụ thứ mười: Khoảng 08 giờ ngày 20-12-2019, Đ điều khiển xe môtô loại Wave 110, màu bạc (không rõ biển số) chở P đến khu vực nhà trọ Trường S10 thuộc khu phố AB, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Exciter, màu đỏ đen, biển số 70L1-653.48 của anh Nguyễn Hồng S dựng trước phòng số 01, không có người trông giữ. P đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi vào bên trong dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của anh S, thay đổi biển số xe thành 55Y8-9858 và sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

11. Vụ thứ mười một: Khoảng 21 giờ ngày 15-01-2020, Đ điều khiển xe môtô loại Exciter, màu đỏ đen, biển số 55Y8-9858 chở P đến khu vực khu phố HH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Wave Trung Quốc, màu đỏ, biển số 70H5-0888 của ông Ngô Văn T5 dựng trước nhà không có người trông giữ, trên xe có sẵn chìa khóa. P đứng bên ngoài cảnh giới, Đ đi vào

bên trong lấy trộm xe môtô của ông T5 đưa cho người đàn ông tên Mập (không rõ địa chỉ) sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ngoài ra, Lê Hoài N còn khai nhận: Từ ngày 03-5-2019 đến ngày 07-8-2019, N cùng với Phan Thành Đ1, Phan Văn T, Phạm Vũ P7 và Cao Hoan X2 bàn bạc với nhau thực hiện 03 vụ trộm; riêng N thực hiện 01 vụ trộm khác trên địa bàn thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 03-5-2019, P7 điện thoại kêu X3, Đ1, T đi tìm xe môtô lấy trộm, tất cả đồng ý. Sau đó, Đ1 điều khiển xe môtô loại Exciter màu xanh đen (không rõ biển số) chở P7, X3 điều khiển xe môtô loại Exciter màu cam đen (không rõ biển số) chở T đến khu vực khu phố Lộc Du, phường TB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại loại Sirius màu đỏ đen, biển số 70L1-000.69 của bà Lê Thị P dựng trước quán cơm Diệu Hiền không có người trông giữ. X3, Đ1 và T đứng bên ngoài cảnh giới, P7 đi vào bên trong dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của bà P đem sang Campuchia bán, P7 chia cho T số tiền 2.000.000 đồng, Đ1 số tiền 1.500.000 đồng, số tiền còn lại P7 và X3 cất giữ.

2. Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ ngày 23-7-2019, Đ1 điều khiển xe môtô loại Exciter, màu cam đen (không rõ biển số) chở X3 đến khu vực khu phố Suối Sâu, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Sirius, màu xám đen, biển số 70L1-441.66 của anh Lương Công B dựng trước tiệm tạp hóa Phương Thanh, không có người trông giữ, trên xe có sẵn chìa khóa. Đ đứng bên ngoài cảnh giới, X3 đi đến lấy trộm xe môtô của anh B đem sang Campuchia bán, X3 chia cho Đ1 số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại X3 cất giữ.

3. Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 07-8-2019, N điều khiển xe môtô loại Exciter, màu cam đen (không rõ biển số) chở P7, X3 điều khiển xe môtô loại Exciter, màu xanh đen (không rõ biển số) chở Đ1 đến khu vực quán cà phê Cây Điều thuộc khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện xe môtô loại Wave alpha, màu đen bạc, biển số 70M1-6103 của ông Huỳnh Văn K3 dựng cặp lề đường, không có người trông giữ. Lúc này, X3, Đ1 và N đứng bên ngoài cảnh giới, P7 đi đến dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe môtô của ông K3 đem bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 9.000.000 đồng, P7 chia cho N và Đ1 mỗi người số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 7.000.000 đồng P7 và X3 chia nhau tiêu xài.

4. Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ ngày 25-12-2019, người tên T (không rõ địa chỉ) điều khiển xe môtô loại Rider (không rõ biển số) chở N đi trên Quốc lộ 22 hướng từ huyện GD đến thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Khi đến khu vực khu phố C, phường GB, thị xã TB, N phát hiện xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ đen, biển số 70M3-2283 của anh Nguyễn Phi L, dựng phía trước nhà ông Lưu Văn I không có người trông giữ, trên xe có sẵn chìa khóa. T đứng bên ngoài cảnh giới, N đi vào bên trong lấy trộm xe môtô của anh L chạy đi đến khu vực cầu vượt phường GB, thị xã TB thì bị Công an bắt giữ, riêng T chạy thoát.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; kết luận:

- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh, màu sơn xanh đen bạc, biển số 70L1-140.23 có giá trị 9.900.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn đỏ, biển số 70L1-486.94 có giá trị 22.800.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn xám đen, biển số 66H1-144.15 có giá trị 9.750.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 83P1-745.30 có giá trị 7.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn xanh đen bạc, biển số 66H9-3700 có giá trị 10.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu sơn xanh, biển số 70H9-3263 có giá trị 10.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirus, màu sơn xám đen, biển số 70M3-1747 có giá trị 7.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, màu sơn trắng đen, biển số 47N1-108.42 có giá trị 14.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, màu sơn xanh bạc, biển số 66K1-197.09 có giá trị 31.843.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn đỏ đen, biển số 70L1-653.48 có giá trị 25.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Darling, loại xe Wave Trung Quốc, màu sơn đỏ, biển số 70H5-0888 có giá trị 3.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 70L1-000.69 có giá trị 8.000.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn xám đen, biển số 70L1-441.66 có giá trị 11.700.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Wave alpha, loại xe hai bánh, màu sơn đen bạc, biển số 70M1-6103 có giá trị 6.600.000 đồng.

- 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 70M3-2283 có giá trị 9.750.000 đồng.

Trong đó, Đ là người chủ mưu, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và trực tiếp lấy trộm tài sản; P là người hỗ trợ tích cực cho Đ; riêng Đ1, N là người khởi xướng và thực hiện tội phạm; Trần Văn V, V2, G, T, X và Bùi Văn V1 là người cảnh giới, giúp sức cùng thực hiện tội phạm, cụ thể:

Đ thực hiện 11 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 150.293.000 đồng;

P tham gia 08 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 85.750.000 đồng;

Đ1 thực hiện 03 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 26.300.000 đồng;

N thực hiện 03 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 26.250.000 đồng;

Trần Văn V tham gia 02 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 20.000.000 đồng;

V2 tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 22.800.000 đồng;

G tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 14.000.000 đồng;

T tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 8.000.000 đồng;

X tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 7.000.000 đồng;

Bùi Văn V1 tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 7.000.000 đồng.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 là có tổ chức; tất cả đều có sự bàn bạc, chuẩn bị phương tiện phạm tội và phân công vai trò cụ thể của từng người trước khi đi trộm cắp tài sản.

Ngoài ra, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P trong một thời gian ngắn liên tục thực hiện từ 05 vụ trộm cắp tài sản trở lên, tiêu xài bằng nguồn thu nhập do trộm cắp mà có. Do đó, hành vi của Đ, P còn thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Đối với Đ1 và T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là "Tái phạm".

Trong quá trình điều tra, Đ, P, Đ1, N, Trần Văn V, V2, G, T, X và Bùi Văn V1 đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; riêng Đ, P, Đ1, N và Trần Văn V còn tự nguyện khai ra những lần phạm tội khác.

Qua xác minh, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 không có tài sản.

Qua làm việc, các bị hại Thạch Xà M2, Nguyễn Thanh T4, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Phi L đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm; đối với các bị hại Lê Thị P, Trần Thị H, Lương Công B, Biện Hùng N, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Văn K3, Phạm Trung H2, Nguyễn Văn T9, Trần Văn G2, H Ruên Bkr, Ngô Văn T5 yêu cầu Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 bồi thường số tiền thiệt hại như Kết luận định giá tài sản. Hiện các bị cáo Đ, P, Đ1, N, Trần Văn V, V2, G, T, X và Bùi Văn V1 chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 53/CT-VKSTrB ngày 31 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ với mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù;

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Kim P với mức án từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thành Đ1 với mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hoài N với mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn V với mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trang Văn V2 với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Hoàng G với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Bảo X với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn V1 với mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Về biện pháp tư pháp căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Các bị cáo có lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Sau khi bàn bạc, thống nhất với nhau; từ ngày 03-5-2019 đến ngày 15-01-2020, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 đã thực hiện 15 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 15 xe môtô các loại của các bị hại trên địa bàn thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trong đó, Đ là người chủ mưu, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và trực tiếp lấy trộm tài sản; P là người hỗ trợ tích cực cho Đ; riêng Đ1, N là người khởi xướng và thực hiện tội phạm; Trần Văn V, V2 G, T, X và Bùi Văn V1 là người cảnh giới, giúp sức cùng thực hiện tội phạm, cụ thể:

Đ thực hiện 11 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 150.293.000 đồng;

P tham gia 08 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 85.750.000 đồng;

Đ1 thực hiện 03 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 26.300.000 đồng;

N thực hiện 03 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 26.250.000 đồng;

Trần Văn V tham gia 02 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 20.000.000 đồng;

V2 tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 22.800.000 đồng;

G tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 14.000.000 đồng;

T tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 8.000.000 đồng;

X tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 7.000.000 đồng;

Bùi Văn V1 tham gia 01 vụ trộm, chiếm đoạt tổng giá trị là 7.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có sức khỏe, trước khi phạm tội, các bị cáo đã ý thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, muốn được sở hữu tài sản bản thân mình phải bỏ công sức tạo lập mới có

được. Nhưng xuất phát từ sự lười biếng, muốn có tiền tiêu xài mà không bỏ công sức lao động chân chính đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nghĩ nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét mức đề nghị xử phạt hình phạt của Viện kiểm sát là phù hợp, khi quyết định hình phạt cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N và Trần Văn V phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; riêng các bị cáo Phan Thành Đ1, Phan Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; riêng các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N và Trần Văn V còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết trong vụ án, với các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt như trên và quá trình thực hiện hành vi phạm tội xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Đ là người khởi xướng, chuẩn bị dụng cụ và tham gia 11 vụ chiếm đoạt số tiền 150.293.000 đồng nên bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất. Tiếp theo bị cáo Nguyễn Kim P trực tiếp tham gia 3 vụ và đồng phạm với bị cáo Đ trong 5 vụ khác chiếm đoạt tài sản có giá trị 85.750.000 đồng nên bị cáo có mức hình phạt thấp hơn bị cáo Đ, nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo Phan Thành Đ1, Lê Hoài N và Trần Văn V trực tiếp tham gia từ 2-3 vụ chiếm đoạt số tiền từ 20.000.000 đồng nên các bị cáo có mức hình phạt kế theo, nhưng bị cáo Đ1 có 01 tiền án nên bị cáo có mức hình phạt cao hơn 02 bị cáo N và Trần Văn V là phù hợp. Bị cáo Trang Văn V2 và Võ Hoàng G và Phan Văn T thực hiện 01 vụ và số tiền chiếm đoạt có phần thấp hơn, riêng Phan Văn T có 01 tiền án nên các bị cáo có mức hình phạt thấp tiếp theo. Bị cáo Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 tham gia 01 vụ số tiền chiếm đoạt thấp nhất nên xử phạt hai bị cáo với mức thấp nhất so với các bị cáo khác.

[5] Tại Bản án số 22/2020/HSST ngày 28-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt bị cáo Võ Hoàng G 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo đang chấp hành án nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án số 08/2020/HSST ngày 24-02-2020 của Tòa an nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo đang chấp hành án nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Qua xác minh, Phạm Vũ P7, Cao Hoan X3 hiện đã bỏ địa phương và chưa làm việc được nên chưa đủ căn cứ đề nghị xử lý; Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm các đối tượng trên, tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

Riêng những người tên T, Mập và người đàn ông mà Đ, N khai nhận có liên quan đến việc trộm cắp và tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có; hiện không rõ họ tên, địa chỉ và chưa làm việc được, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

[6] Xét thấy các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bàng (nay là Công an thị xã Trảng Bàng) đã trả cho Thạch Xà M2 01 xe mô tô biển số 83P1- 745.30, trả cho Nguyễn Thanh T4 01 xe mô tô Exciter biển số 66K1-197.09, trả cho Nguyễn Hồng S 01 xe mô tô Exciter biển số 70L1-653.48 và trả cho Nguyễn Phi L 01 xe mô tô hiệu sirius biển số 70M3- 2283, các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm; đối với các bị hại Lê Thị P1, Trần Thị H, Lương Công B, Biện Hùng N3, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Văn K3, Phạm Trung H2, Nguyễn Văn T9, Trần Văn G2, H Ruên Bkr, Ngô Văn T5 yêu cầu Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P, Phan Thành Đ1, Lê Hoài N, Trần Văn V, Trang Văn V2, Võ Hoàng G, Phan Văn T, Trịnh Bảo X và Bùi Văn V1 bồi thường số tiền thiệt hại như Kết luận định giá tài sản là có căn cứ.

Căn cứ thực tế các bị cáo tham gia của từng vụ án mà xem xét trách nhiệm bồi thường cho phù hợp cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Lê Hoài N phải có trách nhiệm bồi thường cho Trần Thị 9.900.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trang Văn V2 phải bồi thường cho Biện Hùng N3 22.800.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Kim P phải bồi thường cho Nguyễn Văn S1 9.750.000 đồng và bồi thường cho Ngô Văn T5 3.000.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P và Trần Văn V phải có trách nhiệm bồi thường cho Phạm Trung H2 10.000.000 đồng và bồi thường cho Nguyễn Văn T9 10.000.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P và Bùi Văn V1 phải bồi thường cho Trần Văn G2 7.000.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P và Võ Hoàng G phải bồi thường cho H Ruên Bkr 14.000.000 đồng;

Bị cáo Phan Thành Đ1 phải bồi thường cho Lương Công B 11.700.000 đồng;

Bị cáo Phan Thành Đ1 và Lê Hoài N phải bồi thường cho Huỳnh Văn K3 6.600.000 đồng;

Xử lý vật chứng:

- 01 (một) biển số 55Y8-9858;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 3,5 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 4 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 6 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 6,5 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 7 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác.

Không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-02-2020.

Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim P 04 (bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-02-2020.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thành Đ1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-02-2020.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoài N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-12-2019.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn V 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-02-2020.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trang Văn V2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-02-2020.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HSST, ngày 28-02-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, xử phạt Võ Hoàng G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo Võ Hoàng G phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-12-2019.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2020/HSST, ngày 24-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt Phan Văn T 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo Phan Văn T phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-11-2019.

Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Bảo X 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-02-2020.

Căn cứ các điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn V1 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-02-2020.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự; các Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Lê Hoài N phải có trách nhiệm bồi thường cho Trần Thị 9.900.000 (chín triệu chín trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trang Văn V2 phải bồi thường cho Biện Hùng N3 22.800.000 (hai mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Kim P phải bồi thường cho Nguyễn Văn S1 9.750.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và bồi thường cho Ngô Văn T5 3.000.000 (ba triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P và Trần Văn V phải có trách nhiệm bồi thường cho Phạm Trung H2 10.000.000 (mười triệu) đồng và bồi thường cho Nguyễn Văn T9 10.000.000 (mười triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P và Bùi Văn V1 phải bồi thường cho Trần Văn G2 7.000.000 (bảy triệu) đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Kim P và Võ Hoàng G phải bồi thường cho H Ruên Bkr 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng;

Bị cáo Phan Văn T và Phan Thành Đ1 phải bồi thường cho Lê Thị P1 8.000.000 (tám triệu) đồng;

Bị cáo Phan Thành Đ1 phải bồi thường cho Lương Công B 11.700.000 (mười một triệu bảy trăm nghìn) đồng;

Bị cáo Phan Thành Đ1 và Lê Hoài N phải bồi thường cho Huỳnh Văn K3 6.600.000 (sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng;

Ghi nhận ông Thạch Xà M2 đã nhận 01 xe mô tô biển số 83P1- 745.30, Nguyễn Thanh T4 đã nhận 01 xe mô tô Exciter biển số 66K1-197.09, Nguyễn Hồng S đã nhận 01 xe mô tô Exciter biển số 70L1-653.48 và Nguyễn Phi L đã nhận 01 xe mô tô hiệu sirius biển số 70M3- 2283 xong tất cả không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) biển số 55Y8-9858;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 3,5 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 4 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 6 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 6,5 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác;

- 01 (một) thanh kim loại có độ dài từ 7 cm, một đầu dẹp, một đầu hình lục giác.

3. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.819.500 (một triệu tám trăm mười chín nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Kim P phải chịu 1.002.000 (một triệu không trăm lẻ hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Thành Đ1 phải chịu 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Hoài N phải chịu 412.500 (bốn trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn V phải chịu 333.000 (ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trang Văn V2 phải chịu 570.000 (năm trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Hoàng G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn V1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đạt